

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT  
BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 1308 /TMCg-KSBT

Kiên Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2024

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kiên Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm trang phục chuyên môn, trang phục công sở năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kiên Giang
- Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Phòng Tổ chức-Hành chính

SĐT: 02973.862.132

- Nhận qua Email: hctcksbtkg@gmail.com

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: D11 Tuệ Tĩnh, P.Vĩnh Lạc, Tp.Rạch Giá,  
Thời gian tiếp nhận báo giá: 17/09/2024 đến 23/09/2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá**

| STT | Danh mục         | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
| 1   | Đồng phục BS-Nam | Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $161.7 \pm 0.2$<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 263 \pm 2$<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) $43.4 \times 40.6 \pm 0.2$<br>Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) $4 \times 4$<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.6) \times (-1.0) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $63.4 \pm 0.5$<br>COTTON $36.6 \pm 0.5$<br>- Quần đối với Nam: Chất liệu vải kaki hoặc | Bộ          | 21       |         |            |

| STT | Danh mục        | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
|     |                 | tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $224.0 \pm 0.2$<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) $464 \times 232 \pm 2$<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) $103.7 \times 70.3 \pm 0.2$<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 3x3<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-2.2) \times (+0.4) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở $40^{\circ}\text{C}$ (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $86.9 \pm 0.5$<br>COTTON $13.1 \pm 0.5$<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |          |         |            |
| 2   | Đồng phục BS-Nữ | - Áo: Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $161.7 \pm 0.2$<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 263 \pm 2$<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) $43.4 \times 40.6 \pm 0.2$<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.6) \times (-1.0) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở $40^{\circ}\text{C}$ (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $63.4 \pm 0.5$<br>COTTON $36.6 \pm 0.5$<br>- Quần: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương<br>Màu sắc: Màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $248.8 \pm 0.2$<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) $464 \times 336 \pm 2$<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) $86.9 \times 60.7 \pm 0.2$<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-0.5) \times (-0.5) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở $40^{\circ}\text{C}$ (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $73.8 \pm 0.5$<br>RAYON $23.5 \pm 0.5$ | Bộ          | 21       |         |            |

| STT | Danh mục                   | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
|     |                            | SPANDEX 2.7 ±0.5<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |          |         |            |
| 3   | Đồng phục Dục sĩ + KTV Nam | Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x263 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 43.4x40.6 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.6)x(-1.0)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 63.4±0.5<br>COTTON 36.6 ±0.5<br>- Quần đối với Nam: Chất liệu vải kaki hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 224.0 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 464x232 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 103.7x70.3 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 3x3<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.2)x(+0.4)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 86.9 ±0.5<br>COTTON 13.1 ±0.5<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT | Bộ          | 11       |         |            |
| 4   | Đồng phục Dục sĩ + KTV Nữ  | - Áo: Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x263 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 43.4x40.6 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.6)x(-1.0)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ          | 25       |         |            |

| STT | Danh mục                      | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
|     |                               | POLYESTER 63.4±0.5<br>COTTON 36.6 ±0.5<br>- Quần: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương<br>Màu sắc: Màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 248.8 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 464x336 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 86.9x60.7 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.5)x(-0.5)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 73.8 ±0.5<br>RAYON 23.5 ±0.5<br>SPANDEX 2.7 ±0.5<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                                |             |          |         |            |
| 5   | Đồng phục Điều dưỡng/Y sĩ Nam | Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x263 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 43.4x40.6 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.6)x(-1.0)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 63.4±0.5<br>COTTON 36.6 ±0.5<br>- Quần đối với Nam: Chất liệu vải kaki hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 224.0 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 464x232 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 103.7x70.3 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 3x3<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.2)x(+0.4)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 | Bộ          | 13       |         |            |

| STT | Danh mục                                                                         | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
|     |                                                                                  | Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 86.9 ±0.5<br>COTTON 13.1 ±0.5<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |          |         |            |
| 6   | Đồng phục<br>Điều dưỡng,<br>Y sĩ,<br>Dinh dưỡng<br>Nữ, Nữ hộ sinh<br>(Áo + Quần) | - Áo: Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x263 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 43.4x40.6 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.6)x(-1.0)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 63.4±0.5<br>COTTON 36.6 ±0.5<br>- Quần: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương<br>Màu sắc: Màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 248.8 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 464x336 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 86.9x60.7 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.5)x(-0.5)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 73.8 ±0.5<br>RAYON 23.5 ±0.5<br>SPANDEX 2.7 ±0.5<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT | Bộ          | 24       |         |            |
| 7   | Đồng phục<br>Điều dưỡng,<br>Y sĩ,<br>Dinh dưỡng<br>Nữ, Nữ                        | - Áo liền váy: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương<br>Màu sắc: Màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 248.8 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 464x336 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 86.9x60.7 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bộ          | 4        |         |            |

| STT | Danh mục                           | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
|     | hộ sinh (Áo liền váy)              | Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%)<br>(DxN) $(-0.5) \times (-0.5) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $73.8 \pm 0.5$<br>RAYON $23.5 \pm 0.5$<br>SPANDEX $2.7 \pm 0.5$<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |          |         |            |
| 8   | Đồng phục hành chính Nam           | Áo: Chất liệu vải kate mỹ hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $109.8 \pm 0.2$<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) $370 \times 304 \pm 2$<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) $36.2 \times 38.9 \pm 0.2$<br>Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%)<br>(DxN) $(-1.1) \times (-0.1) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $81.7 \pm 0.5$<br>RAYON $18.3 \pm 0.5$<br>- Quần đối với nam: Chất liệu vải kaki hoặc tương đương<br>Màu sắc: Màu đen<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $226.1 \pm 0.2$<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) $428 \times 212 \pm 2$<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) $40.0 \times 24.6 \pm 0.2$<br>Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%)<br>(DxN) $(-2.9) \times (+0.2) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $86.3 \pm 0.5$<br>COTTON $13.7 \pm 0.5$<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT | Bộ          | 21       |         |            |
| 9   | Đồng phục hành chính Nữ (Áo+ Quần) | Áo: Chất liệu vải kate mỹ hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $109.8 \pm 0.2$<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) $370 \times 304 \pm 2$<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) $36.2 \times 38.9 \pm 0.2$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bộ          | 8        |         |            |

| STT | Danh mục                                | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
|     |                                         | Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.1)x(-0.1)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 81.7 ±0.5<br>RAYON 18.3 ±0.5<br>- Quần: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu đen<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 254.4± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 452x332 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 48.5x36.5 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.5)x(-0.1)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 72.4 ±0.5<br>RAYON 24.2 ±0.5<br>SPANDEX 3.4 ±0.5<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT |             |          |         |            |
| 10  | Đồng phục hành chính Nữ (Áo + Chân váy) | Áo: Chất liệu vải kate mỹ hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu trắng<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 109.8 ± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 370x304 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 36.2x38.9 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.1)x(-0.1)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 81.7 ±0.5<br>RAYON 18.3 ±0.5<br>- Váy: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu đen<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) 254.4± 0.2<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) 452x332 ±2                                                                                                                                       | Bộ          | 21       |         |            |

| STT | Danh mục                              | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
|     |                                       | Độ bền xé rách (N) (DxN) $48.5 \times 36.5 \pm 0.2$<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-0.5) \times (-0.1) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $72.4 \pm 0.5$<br>RAYON $24.2 \pm 0.5$<br>SPANDEX $3.4 \pm 0.5$<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT                                                                                                                                                                                                                                                        |             |          |         |            |
| 11  | Đồng phục hộ lý Nữ (Bộ)               | Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu xanh hòa bình<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $161.3 \pm 0.2$<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) $288 \times 270 \pm 2$<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) $28.5 \times 25.4 \pm 0.2$<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-2.9) \times (-2.1) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $65.0 \pm 0.5$<br>COTTON $35.0 \pm 0.5$<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT                                                                             | Bộ          | 4        |         |            |
| 12  | Đồng phục lái xe, bảo trì, bảo vệ Nam | - Áo: Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu xanh đen<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $149.3 \pm 0.2$<br>Mật độ vải (Sợi/10CM) $252 \times 256 \pm 2$<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) $17.0 \times 16.7 \pm 0.2$<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.4) \times (-1.6) \pm 0.2$<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER $66.5 \pm 0.5$<br>COTTON $33.5 \pm 0.5$<br>- Quần: Chất liệu vải kaki hoặc tương đương<br>Màu sắc: màu xanh đen<br>Thành phần:<br>Khối lượng vải (G/M2) $226.7 \pm 0.2$ | Bộ          | 8        |         |            |

| STT | Danh mục | Đặc điểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|
|     |          | Mật độ vải (Sợi/10CM) 436x214 ±2<br>Độ bền xé rách (N) (DxN) 47.8x29.7 ±0.2<br>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4x4<br>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.2)x(0.0)±0.2<br>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 1-5<br>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)<br>POLYESTER 84.9 ±0.5<br>COTTON 15.1 ±0.5<br>May theo thông tư 45/2015/TT-BYT |             |          |         |            |

- Yêu cầu: Phiếu chào giá phải thể hiện rõ đơn giá bao gồm VAT, phí vận chuyển, thời gian có hiệu lực của báo giá.

- Đơn vị gửi kèm báo giá và các loại giấy tờ chứng minh năng lực của đơn vị: *Giấy phép kinh doanh, hợp đồng tương tự đã thực hiện (nếu có)...*

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website;
- Lưu: VT, TCHC.

**ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU**



GIÁM ĐỐC

**Trần Thế Vinh**